

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm quyết định số 36/QĐ-CDSGGĐ, ngày 22 tháng 03 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Sài Gòn Gia Định)

Tên nghề: Y SỸ ĐA KHOA.

Mã nghề: 6720101.

Trình độ đào tạo: Cao đẳng.

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 3 năm.

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

1.1.1. Kiến thức chung

- Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, kiến thức trong lĩnh vực Khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, chuyên ngành và khả năng tự nghiên cứu nâng cao trình độ.
- Hiểu biết về đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, những vấn đề cấp bách của thời đại.
- Hoàn thành chương trình giáo dục thể chất và chương trình giáo dục quốc phòng.

1.1.2. Kiến thức chuyên môn

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về:
 - + Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người;
 - + Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.
- Nêu được những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường.
- Trình bày được Luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.1.3. Kiến thức bổ trợ

- Ngoại ngữ: Tiếng Anh cơ bản đạt bậc A2 trong 06 bậc quốc gia.
- Tin học: Tin học văn phòng trình độ tin học Căn bản.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người.
- Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh và một số chứng bệnh thường gặp.
- Phát hiện sớm và xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường, bệnh thông thường tại tuyến y tế cơ sở.
- Làm được một số thủ thuật (Bộ Y tế cho phép), chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng.
- Chuyển tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở.
- Tổ chức thực hiện các chương trình y tế, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng chống dịch.
- Truyền thông giáo dục sức khỏe; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khỏe ở tuyến y tế cơ sở.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thực hành nghề nghiệp theo Luật pháp, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân;
- Hiểu biết và thực hiện đúng quy tắc ứng xử của nhân viên ngành Y tế;
- Thực hành nghề nghiệp theo đúng quy chế, quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Tôn trọng quyền của người bệnh ;
- Trung thực, khách quan, công bằng, trách nhiệm, đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Làm việc tại các trung tâm y tế, cơ sở khám chữa bệnh, bệnh viện;
- Chức danh Y sỹ;

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: **38**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **115 tín chỉ**
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: **435 giờ**
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **2475 giờ**
- Khối lượng lý thuyết: **797 giờ**; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1638 giờ**, kiểm tra, thi: **91 giờ**.
- Tỷ lệ % lý thuyết/thực hành: 986/1849: **48.65%**

3. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/bài tập	Thi/ kiểm tra
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21	435	162	250	23
MH 01	Chính trị	5	75	41	29	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/bài tập	Thi/ kiểm tra
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - AN	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng anh	6	120	42	72	6
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN					
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	28	510	320	170	22(11)
MH 07	Giải phẫu sinh lý	3	60	30	28	2
MH 08	Xác suất thống kê y học	2	45	15	30	2
MH 09	Anh văn chuyên ngành	3	60	30	28	2
MH 10	Vi sinh – Ký sinh trùng	2	45	30	13	2
MH 11	Dược lý	3	45	43	0	2
MH 12	Dinh dưỡng – VSAT thực phẩm	2	30	28	0	2
MH 13	Vệ sinh phòng bệnh	3	45	43	0	2
MĐ 14	Tiền lâm sàng	2	45	15	30	2
MH 15	Dịch tễ học – Các bệnh truyền nhiễm	2	45	15	30	2
MH 16	Quản lý & Tổ chức y tế	2	30	28	0	2
MH 17	Điều dưỡng cơ bản & KTĐD	3	60	30	28	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	32	570	386	163	21
MH 18	Bệnh nội khoa	3	45	43		3
MH 19	Bệnh ngoại khoa	3	45	43		3
MH 20	Sức khỏe trẻ em	3	45	43		2
MH 21	Sức khỏe sinh sản	3	45	43		2
MH 22	Bệnh truyền nhiễm xã hội	3	45	43		2
MH 23	Bệnh chuyên khoa	2	30	28		2
MH 24	Y tế cộng đồng	3	30	28		2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/bài tập	Thi/ kiểm tra
MH 25	Y học cổ truyền	3	60	30	28	2
MĐ 26	Phục hồi chức năng	2	30	28		2
II.3	Các mô đun thực hành chuyên môn	37	1515	75	1440	4
MĐ 27	Thực tập lâm sàng ĐDCB&KTĐĐ	2	90	0	88	2
MĐ 28	Thực tập lâm sàng Nội khoa	3	135	0	132	3
MĐ 29	Thực tập lâm sàng Ngoại khoa	3	135	0	132	3
MĐ 30	Thực tập lâm sàng Sản phụ khoa	3	135	0	88	2
MĐ 31	Thực tập lâm sàng Nhi khoa	3	135	0	132	3
MĐ 32	Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm	3	135	0	132	3
MĐ 33	Thực tập lâm sàng YHCT	2	90	0	88	2
MĐ 34	Thực tập cộng đồng	2	90	0	88	2
MH35	Thực tập tốt nghiệp	10	405	0	405	0
II.4	Môn học, mô đun tự chọn (Sinh viên chỉ chọn 2 trong 3 môn học, mô đun)	5	75	71	0	4
MH36.1	Sinh học di truyền	3	45	43	0	2
MH36.2	Sinh lý bệnh	3	45	43	0	2
MH36.3	Dược lâm sàng	3	45	43	0	2
	Tổng	115	2910	954	1893	70
Tỷ lệ % lý thuyết, thực hành, KT/Tổng số				33.71%	63.21%	3.11%

4. Chương trình chi tiết các môn học, mô đun

Hướng dẫn sử dụng chương trình: chương trình đào tạo theo hình thức tín chỉ

4.1. Các môn chung:

Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện, cụ thể:

- *Môn học Giáo dục chính trị*: nội dung ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- *Môn học Pháp luật*: nội dung ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- *Môn học Tiếng Anh*: nội dung ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- *Môn học Tin học*: nội dung ban hành kèm theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- *Môn học Giáo dục thể chất*: nội dung ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- *Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh*: nội dung ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày.
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng hoặc sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (1 buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư đọc sách và tài liệu tham khảo	Tất cả các ngày làm việc trong tuần.
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động tập thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật.
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học.

4.3. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học, mô đun

Thực hiện theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; Quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của Trường Cao

đảng Sài Gòn Gia Định ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-CĐSGGD-ĐT, ngày 04/8/2022 của Hiệu trưởng.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Trường Cao đẳng Sài Gòn Gia Định đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.
- Đầu học kỳ cuối khóa học, sinh viên phải đăng ký thực hiện tích lũy khối kiến thức tốt nghiệp theo một trong hai hình thức sau đây:
 - + Làm khóa luận tốt nghiệp (*có khối lượng 10 tín chỉ*).
 - + Học và thi một số chuyên đề thay thế khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên không được giao làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số chuyên đề thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình của từng ngành, nghề và được xem như những môn học bắt buộc (*có khối lượng 10 tín chỉ*).

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân đối với trình độ cao đẳng ngành Y sỹ đa khoa theo quy định hiện hành.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Quang Trung